

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 876 /QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 27 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2072/QĐ-BYT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Cao Bằng tại Tờ trình số 3415/TTr-SYT ngày 24 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục danh mục 06 thủ tục hành chính mới ban hành, 07 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, 16 thủ tục hành chính bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (*chi tiết tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo*).

Nội dung các bộ phận cơ bản của thủ tục hành chính được công bố không nêu trong Quyết định này thực hiện theo Quyết định số 2072/QĐ-BYT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Điều 2. Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin căn cứ quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, xác lập quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính áp dụng trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Quyết định này bãi bỏ 06 thủ tục hành chính có số thứ tự 2, 3, 4, 5, 6, 7 tại mục I; 09 thủ tục hành chính có số thứ tự 2, 3, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 tại mục III và thủ tục hành chính có số thứ tự 4 tại mục IV, Phần A, Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Cao Bằng.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trịnh Trường Huy

Phụ lục 1

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TỈNH CAO BẰNG

(Kèm theo Quyết định số 876/QĐ-UBND ngày 27 tháng 06 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH (06 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (04 TTHC)						
1	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập và giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập	05 ngày làm việc đối với việc cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập và cấp giấy chứng nhận thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội. - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà	

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74

Ngày 22/7/2025

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		ký thành lập; 10 ngày đối với việc giải thể cơ sở trợ giúp xã hội.				nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. - Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế.	
2	Cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội	10 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực	Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội. - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm	

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				tuyển toàn trình.		2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. - Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế.	
3	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận đăng	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính	- Trực tiếp;	Không	- Nghị định số 110/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2024	

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74

Ngày 22/7/2025

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	ký hành nghề công tác xã hội		công tỉnh Cao Bằng.	- Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.		của Chính phủ về công tác xã hội. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. - Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế	
4	Thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc	35 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực	Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội. - Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm	

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh			tuyển toàn trình.		2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. - Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế.	
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (02 TTHC)						
1	Thực hiện, điều chỉnh, tạm dừng, thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với nghệ nhân nhân dân,	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ	Không	-Nghị định số 109/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về việc hỗ trợ đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu	

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74

Ngày 22/7/2025

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn			bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.		nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. - Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế.	
2	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng.	- Trực tiếp tại; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực	Không	-Nghị định số 109/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về việc hỗ trợ đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn.	

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				tuyển toàn trình.		- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. - Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế.	

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (07 TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (01 TTHC)						
1	Đăng ký hành nghề công tác xã hội tại Việt Nam đối với	05 ngày làm việc kể từ ngày	Trung tâm phục vụ hành chính	- Trực tiếp;	Không	- Nghị định số 110/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2024 của	Nội dung sửa đổi, bổ sung:

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74

Ngày 22/7/2025

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài. (1.012993)	nhận hồ sơ hợp lệ	công tỉnh Cao Bằng	- Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.		Chính phủ về công tác xã hội. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. - Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế.	căn cứ pháp lý, cơ quan thực hiện.
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH, XÃ (03 TTHC)						
1	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào	10 ngày làm việc đối với cơ sở trợ giúp xã	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã	Nội dung sửa đổi, bổ sung: căn cứ pháp lý,

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74

Ngày 22/7/2025

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	cơ sở trợ giúp xã hội (2.000286)	hội thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân xã; 15 ngày làm việc đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc phạm vi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý		chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.		hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. - Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế.	cơ quan thực hiện.
2	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện. (2.000282)	10 ngày làm việc, kể từ khi tiếp nhận đối tượng, trường	Chính quyền (hoặc công an), Chủ tịch Ủy ban nhân dân	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích;	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.	Nội dung sửa đổi, bổ sung: căn cứ pháp lý,

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74

Ngày 22/7/2025

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		hợp kéo dài quá 10 ngày làm việc phải do cơ quan quản lý cấp trên xem xét	cấp xã; Cơ sở trợ giúp xã hội.	- Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.		- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. - Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025.	cơ quan thực hiện. Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 25 ngày xuống còn 10 ngày làm việc.
3	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện. (2.000477)	06 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Cơ sở trợ giúp xã hội	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ,	Nội dung sửa đổi, bổ sung: căn cứ pháp lý, cơ quan thực hiện. Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74

Ngày 22/7/2025

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. - Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025.	xuống còn 06 ngày làm việc.
III	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (03 TTHC)						
1	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng. (1.001776)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.	Nội dung sửa đổi, bổ sung: căn cứ pháp lý, cơ quan thực hiện.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74

Ngày 22/7/2025

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. - Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế.	
2	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội. (1.001731)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy	Nội dung sửa đổi, bổ sung: căn cứ pháp lý, cơ quan thực hiện.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74

Ngày 22/7/2025

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				trực tuyến toàn trình.		định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. - Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế.	
3	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn. (2.000355)	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích. - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ,	Nội dung sửa đổi, bổ sung: căn cứ pháp lý, cơ quan thực hiện. Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 10 ngày

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. - Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế.	xuống còn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (16 TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, lý do bãi bỏ
I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (06 TTHC)			
1	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Y tế. (2.000062)	Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội và lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội	Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74

Ngày 22/7/2025

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, lý do bãi bỏ
		thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Cao Bằng	phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế;
2	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Sở Y tế. (2.000135)	Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội và lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Cao Bằng	Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế
3	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Y tế. (2.000056)	Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội và lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Cao Bằng	Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74

Ngày 22/7/2025

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, lý do bãi bỏ
4	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Sở Y tế cấp. (2.000051)	Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội và lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Cao Bằng	Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế
5	Cấp (mới) giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội. (1.012991)	Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội và lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Cao Bằng	Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế
6	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội. (1.012992)	Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội và lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, Ủy	Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, lý do bãi bỏ
		ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Cao Bằng	
II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (09 TTHC)			
1	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, xã, thành phố thuộc tỉnh. (1.001758)	Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội và lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Cao Bằng	Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74

Ngày 22/7/2025

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, lý do bãi bỏ
2	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. (1.001753)	Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội và lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Cao Bằng	Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế
3	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng. (2.000744)	Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội và lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Cao Bằng	Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74

Ngày 22/7/2025

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, lý do bãi bỏ
4	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc. (2.000777)	Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội và lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Cao Bằng	Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế
5	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp. (1.001739)	Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội và lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Cao Bằng	Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74

Ngày 22/7/2025

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, lý do bãi bỏ
6	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Y tế cấp. (1.000684)	Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội và lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Cao Bằng	Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế
7	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Y tế. (2.000298)	Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội và lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Cao Bằng	Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74

Ngày 22/7/2025

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, lý do bãi bỏ
8	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Y tế. (2.000294)	Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội và lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Cao Bằng	Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế
9	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng Y tế. (1.000669)	Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội và lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Cao Bằng	Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế
III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (01 TTHC)			

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, lý do bãi bỏ
1	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở. (2.000751)	Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội và lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Cao Bằng	Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế

Tổng số TTHC công bố:	29 TTHC
Trong đó:	
- Tổng số TTHC mới ban hành:	06 TTHC
- Tổng số TTHC sửa đổi, bổ sung:	07 TTHC
- Tổng số TTHC bị bãi bỏ:	16 TTHC
- Tổng số TTHC qua bưu chính công ích:	13 TTHC
- Tổng số TTHC qua DVCTT toàn trình:	12 TTHC
- Tổng số TTHC qua DVCTT một phần:	01TTHC

THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TỈNH CAO BẰNG
(Kèm theo Quyết định số 876 /QĐ-UBND, ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao
Bằng)

I. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (05 TTHC)

Quy trình số 01

1. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập và giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập

a) Đối với trường hợp cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập và cấp giấy chứng nhận thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng BTXH, Trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội, Sở Y tế	0,5 ngày làm việc

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74

Ngày 22/7/2025

Bước 3	Thụ lý giải quyết; Trình lãnh đạo Phòng duyệt	Chuyên viên Phòng BTXH, Trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội, Sở Y tế	01 ngày làm việc
Bước 4	Xem xét kết quả, thẩm định hồ sơ trước khi trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Phòng BTXH, Trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội, Sở Y tế.	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Ký phê duyệt kết quả, trình UBND tỉnh phê duyệt	Lãnh đạo Sở Y tế	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển kết quả liên thông trình UBND tỉnh (bản điện tử, bản giấy)	Bộ phận Văn thư Sở Y tế	0,25 ngày làm việc
Bước 7	Xem xét, thẩm định xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo Văn phòng, lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt	Chuyên viên Phòng Khoa giáo - Văn xã	1,5 ngày làm việc
Bước 8	Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ, chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,25 ngày làm việc

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74

Ngày 22/7/2025

Bước 9	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			05 ngày làm việc

b) Đối với trường hợp giải thể cơ sở trợ giúp

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	0,5 ngày
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng BTXH, Trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội, Sở Y tế	0,5 ngày

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74

Ngày 22/7/2025

Bước 3	Thụ lý giải quyết; Trình lãnh đạo Phòng duyệt	Chuyên viên Phòng BTXH, Trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội, Sở Y tế	02 ngày
Bước 4	Xem xét kết quả, thẩm định hồ sơ trước khi trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Phòng BTXH, Trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội, Sở Y tế.	0,5 ngày
Bước 5	Ký phê duyệt kết quả, trình UBND tỉnh phê duyệt	Lãnh đạo Sở Y tế	01 ngày
Bước 6	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển kết quả liên thông trình UBND tỉnh	Bộ phận Văn thư Sở Y tế	0,5 ngày
Bước 7	Xem xét, thẩm định xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo Văn phòng, lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt	Chuyên viên Phòng Khoa giáo - Văn xã	4,5 ngày
Bước 8	Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ, chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày
Bước 9	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không tính thời gian

Tổng thời gian giải quyết TTHC	10 ngày
--------------------------------	---------

Quy trình số 02

2. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng BTXH, Trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội, Sở Y tế	0,5 ngày làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết; Trình lãnh đạo Phòng duyệt	Chuyên viên Phòng BTXH, Trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội, Sở Y tế	02 ngày làm việc

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74

Ngày 22/7/2025

Bước 4	Xem xét kết quả, thẩm định hồ sơ trước khi trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Phòng BTXH, Trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội, Sở Y tế.	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Ký phê duyệt kết quả, trình UBND tỉnh phê duyệt	Lãnh đạo Sở Y tế	01 ngày làm việc
Bước 6	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển kết quả liên thông trình UBND tỉnh (bản điện tử, bản giấy)	Bộ phận Văn thư Sở Y tế	0,5 ngày làm việc
Bước 7	Xem xét, thẩm định xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo Văn phòng, lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt	Chuyên viên Phòng Khoa giáo - Văn xã	4,5 ngày làm việc
Bước 8	Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ, chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày làm việc
Bước 9	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTH			10 ngày làm việc

Quy trình số 03

3. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Cấp, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng BTXH, Trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội, Sở Y tế	0,5 ngày làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết; Trình lãnh đạo Phòng duyệt	Chuyên viên Phòng BTXH, Trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội, Sở Y tế	01 ngày làm việc
Bước 4	Xem xét kết quả, thẩm định hồ sơ trước khi trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Phòng BTXH, Trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội, Sở Y tế.	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Ký phê duyệt kết quả, trình UBND tỉnh phê duyệt	Lãnh đạo Sở Y tế	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển kết quả liên thông trình UBND tỉnh (bản	Bộ phận Văn thư Sở Y tế	0,25 ngày làm việc

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74

Ngày 22/7/2025

	điện tử, bản giấy)		
Bước 7	Xem xét, thẩm định xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo Văn phòng, lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt	Chuyên viên Phòng Khoa giáo - Văn xã	1,5 ngày làm việc
Bước 8	Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ, chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,25 ngày làm việc
Bước 9	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			05 ngày làm việc

Quy trình số 04

4. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Thứ tự công	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
--------------------	---------------------------	------------------------------	------------------

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74

Ngày 22/7/2025

việc			thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	01 ngày làm việc
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng BTXH, Trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội, Sở Y tế	01 ngày làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết; Trình lãnh đạo Phòng duyệt	Chuyên viên Phòng BTXH, Trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội, Sở Y tế	12 ngày làm việc
Bước 4	Xem xét kết quả, thẩm định hồ sơ trước khi trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Phòng BTXH, Trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội, Sở Y tế.	02 ngày làm việc
Bước 5	Ký phê duyệt kết quả, trình UBND tỉnh phê duyệt	Lãnh đạo Sở Y tế	01 ngày làm việc
Bước 6	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển kết quả liên thông trình UBND tỉnh (bản điện tử, bản giấy)	Bộ phận Văn thư Sở Y tế	01 ngày làm việc

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74

Ngày 22/7/2025

Bước 7	Xem xét, thẩm định xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo Văn phòng, lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt	Chuyên viên Phòng Khoa giáo - Văn xã	16 ngày làm việc
Bước 8	Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ, chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 9	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			35 ngày làm việc

Quy trình số 05

5. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Đăng ký hành nghề công tác xã hội tại Việt Nam đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài. (Mã TTHC: 1.012993)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74

Ngày 22/7/2025

Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng BTXH, Trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội, Sở Y tế	0,5 ngày làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết; Trình lãnh đạo Phòng duyệt	Chuyên viên Phòng BTXH, Trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội, Sở Y tế	01 ngày làm việc
Bước 4	Xem xét kết quả, thẩm định hồ sơ trước khi trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Phòng BTXH, Trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội, Sở Y tế.	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Ký phê duyệt kết quả, trình UBND tỉnh phê duyệt	Lãnh đạo Sở Y tế	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển kết quả liên thông trình UBND tỉnh (bản điện tử, bản giấy)	Bộ phận Văn thư Sở Y tế	0,25 ngày làm việc

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74

Ngày 22/7/2025

Bước 7	Xem xét, thẩm định xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo Văn phòng, lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt	Chuyên viên Phòng Khoa giáo - Văn xã	1,5 ngày làm việc
Bước 8	Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ, chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,25 ngày làm việc
Bước 9	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			05 ngày làm việc

III. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH, XÃ (03 TTHC)

Quy trình số 6

6. Quy trình nội bộ liên thông giải quyết TTHC: Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, xã (Mã TTHC: 2.000286)

a) Đối với trường hợp đối tượng thuộc cơ sở trợ giúp cấp xã

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74

Ngày 22/7/2025

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét, phân công chuyên viên xử lý	Lãnh đạo Phòng Văn hóa - xã hội	01 ngày làm việc
Bước 3	Thụ lý, giải quyết hồ sơ (kiểm tra, thẩm định hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết TTHC)	Công chức phòng Văn hóa – xã hội	06 ngày làm việc
Bước 4	Xem xét, thẩm định kết quả giải quyết trình Lãnh đạo UBND cấp xã	Lãnh đạo Văn hóa - xã hội	01 ngày làm việc
Bước 5	Xem xét, phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo UBND cấp xã	01 ngày làm việc
Bước 6	Vào sổ văn bản, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ, chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (điện tử và bản giấy)	Văn thư UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của	Không tính

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74

Ngày 22/7/2025

		Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			10 ngày làm việc

b) Đối với trường hợp đối tượng thuộc cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
I	Quy trình giải quyết tại cấp xã (10 ngày làm việc)		
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét, phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Văn hoá - Xã hội	01 ngày làm việc
Bước 3	Tiếp nhận thẩm định, xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng	Công chức Phòng Văn hoá - Xã hội	06 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định xem xét trước khi trình Lãnh đạo UBND cấp xã	Lãnh đạo Phòng Văn hoá - Xã hội	01 ngày làm việc

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74

Ngày 22/7/2025

Bước 4	Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét, phê duyệt văn bản đề nghị Sở Y tế thẩm định	Lãnh đạo UBND cấp xã	01 ngày làm việc
Bước 5	Vào sổ văn bản, chuyển hồ sơ (điện tử và bản giấy) đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc
III	Quy trình giải quyết tại cấp tỉnh (05 ngày làm việc)		
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ, phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng BTXH, Trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội, Sở Y tế	0,25 ngày làm việc
Bước 3	Phòng Bảo trợ xã hội tiếp nhận, thẩm định hồ sơ trình lãnh đạo Sở xem xét	Chuyên viên Phòng BTXH, Trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội, Sở Y tế	1,5 ngày làm việc
Bước 4	Xem xét, ký duyệt văn bản chuyển hồ sơ đến Cơ sở trợ giúp xã hội tiếp nhận đối tượng vào cơ sở.	Lãnh đạo Sở Y tế	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Vào sổ văn bản, chuyển hồ sơ (bản điện tử và	Văn thư Sở Y tế	0,25 ngày làm

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74

Ngày 22/7/2025

	bản giấy) đến cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh		việc
Bước 6	Tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Viên chức Cơ sở trợ giúp xã hội	01 ngày làm việc
Bước 7	Quyết định tiếp nhận đối tượng vào cơ sở. Trường hợp đối tượng không được tiếp nhận vào Cơ sở trợ giúp xã hội thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do	Người đứng đầu Cơ sở trợ giúp xã hội	01 ngày làm việc
Bước 8	Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ, chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Viên chức Cơ sở trợ giúp xã hội	0,25 ngày làm việc
Bước 9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			15 ngày làm việc

Quy trình số 7

7. Quy trình nội bộ liên thông giải quyết TTHC: Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, xã. (Mã TTHC: 2.000282)

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74

Ngày 22/7/2025

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Lập biên bản tiếp nhận có chữ ký của cá nhân hoặc đại diện cơ quan, đơn vị phát hiện ra đối tượng (nếu có), chính quyền (hoặc Công an) cấp xã, đại diện Cơ sở trợ giúp xã hội.	Chính quyền (hoặc Công an) cấp xã, đại diện Cơ sở trợ giúp xã hội	Cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm tiếp nhận ngay các đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp để chăm sóc, nuôi dưỡng và hoàn thiện các thủ tục, hồ sơ trong 10 ngày làm việc, kể từ khi tiếp nhận đối tượng, trường hợp kéo dài quá 10 ngày làm việc, phải do cơ quan quản lý cấp trên xem xét quyết định
Bước 2	Đánh giá về mức độ tổn thương, khả năng phục hồi và nhu cầu trợ giúp của đối tượng để có kế hoạch trợ giúp đối tượng	Cơ sở trợ giúp xã hội.	
Bước 3	Bảo đảm an toàn và chữa trị những tổn thương về thân thể hoặc tinh thần cho đối tượng kịp thời; đối với trẻ em bị bỏ rơi, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 25 ngày làm việc.	Cơ sở trợ giúp xã hội.	
Bước 4	Quyết định trợ giúp đối tượng tại cơ sở trợ giúp xã hội hoặc chuyển đối tượng về gia đình, cộng đồng.	Cơ sở trợ giúp xã hội.	
Bước 5	Hoàn thành các thủ tục, hồ sơ theo quy định	Cơ sở trợ giúp xã hội.	

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74

Ngày 22/7/2025

Tổng thời gian giải quyết TTHC	10 ngày làm việc
---------------------------------------	-------------------------

Quy trình số 8

8. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội. (Mã TTHC: 2.000477)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ - Phân công viên chức xem xét, giải quyết	Lãnh đạo cơ sở trợ giúp xã hội	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Viên chức cơ sở trợ giúp xã hội	04 ngày làm việc
Bước 3	Ký duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo cơ sở trợ giúp xã hội	01 ngày làm việc
Bước 4	Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ, chuyển kết quả cho Viên chức cơ sở trợ giúp xã hội	Văn thư cơ sở trợ giúp xã hội	0,5 ngày làm việc

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74

Ngày 22/7/2025

Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Viên chức cơ sở trợ giúp xã hội	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			06 ngày làm việc

III. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (03 TTHC)

Quy trình số 9

9. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng. (Mã TTHC: 1.001776)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét, phân công chuyên viên xử lý	Lãnh đạo Văn hóa - xã hội	01 ngày làm việc

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74

Ngày 22/7/2025

Bước 3	Thụ lý, giải quyết hồ sơ (kiểm tra, thẩm định hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết TTHC)	Công chức phòng Văn hóa – xã hội	06 ngày làm việc
Bước 4	Xem xét, thẩm định kết quả giải quyết trình Lãnh đạo UBND cấp xã	Lãnh đạo Văn hóa - xã hội	01 ngày làm việc
Bước 5	Xem xét, phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo UBND cấp xã	01 ngày làm việc
Bước 6	Vào sổ văn bản, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ, chuyển kết quả cho UBND cấp xã (điện tử và bản giấy)	Văn thư UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			10 ngày làm việc

Quy trình số 10

12. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội. (Mã TTHC: 1.001731).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
-------------------------	---------------------------	------------------------------	----------------------------

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74

Ngày 22/7/2025

Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý (gửi phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân, tổ chức);	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét, phân công chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng Văn hóa – xã hội	0,25 ngày làm việc
Bước 3	Thụ lý, thẩm định, giải quyết hồ sơ	Công chức phòng Văn hóa – xã hội	0.5 ngày làm việc
Bước 4	Xem xét, thẩm định kết quả giải quyết TTHC trình UBND cấp xã	Lãnh đạo phòng Văn hóa – xã hội	0,25 ngày làm việc
Bước 5	Xem xét, phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Vào sổ văn bản, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ, chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã (điện tử và bản giấy)	Văn thư UBND cấp xã	0,25 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			03 ngày làm việc

Quy trình số 11**13. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn. (Mã TTHC: 2.000355)**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý (gửi phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân, tổ chức);	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét, phân công chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng Văn hóa – xã hội	0,5 ngày làm việc
Bước 3	Thụ lý, thẩm định, giải quyết hồ sơ	Công chức phòng Văn hóa – xã hội	05 ngày làm việc
Bước 4	Xem xét, thẩm định kết quả giải quyết TTHC trình UBND cấp xã	Lãnh đạo phòng Văn hóa – xã hội	01 ngày làm việc
Bước 5	Xem xét, phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Vào sổ văn bản, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ, chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã (điện tử và bản giấy)	Văn thư UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74

Ngày 22/7/2025

Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			08 ngày làm việc